

Số: 1842/QĐ-UBND

Nam Đông, ngày 13 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân,
huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 06/5/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/ /2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 06/5/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành quy định Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 73/2021/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh

Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2729/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 15/9/2022 của UBND huyện Nam Đông về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 của HĐND xã Hương Xuân về việc thông qua quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân;

Căn cứ Quyết định số 1841 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

Xét đề nghị của UBND xã Hương Xuân tại Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 30/10/2023 và Báo cáo thẩm định số 79/TĐ-KTHT ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính và Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Văn hóa và Thông tin; Chủ tịch UBND xã Hương Xuân và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND huyện;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng

QUY ĐỊNH

**Về việc quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân,
huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030**
(Kèm theo Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND huyện Nam Đông)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân đến năm 2030 tầm đã được phê duyệt.
2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang trên địa bàn xã Hương Xuân, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.
3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của huyện, của xã quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng, trên địa bàn xã theo đúng quy hoạch và pháp luật hiện hành. Ngoài những nội dung quy định này, việc quản lý xây theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân đến năm 2030 còn phải tuân thủ theo các quy định pháp luật của Nhà nước có liên quan

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân đến năm 2030 đã được phê duyệt và tuân thủ quy định tại Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Chương II**QUẢN LÝ QUY HOẠCH CHUNG****Điều 3. Phạm vi, ranh giới, tính chất xã**

1. Phạm vi: Toàn bộ địa giới hành chính của xã với diện tích 1.869,88ha.
2. Ranh giới: Phía Bắc giáp xã Hương Phú; phía Tây giáp xã Hương Sơn; phía

Đông giáp thị trấn Khe Tre và xã Thượng Lộ; phía Nam giáp xã Thượng Nhật.

3. Tính chất: Phát triển theo định hướng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ; sản xuất nông lâm nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, ngành nghề phi nông nghiệp phát triển gắn với quá trình đô thị hóa, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, giữ vững trật tự an toàn xã hội.

Điều 4. Kiểm soát không gian, kiến trúc các phân khu chức năng và công trình trọng điểm: Cơ quan hành chính xã, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ.

1. Kiểm soát không gian các phân khu chức năng và các công trình trọng điểm

1.1. Khu trung tâm xã:

Quy hoạch khu trung tâm xã có diện tích 19,6ha. Khu trung tâm xã bao gồm diện tích thôn Phú Thuận và một phần thôn Tây Linh, thôn Thuận Lộ. Khu trung tâm lấy tỉnh lộ 14B cũ và tỉnh lộ mới làm trục chính, kết hợp với các tuyến liên đường liên xã Hương Sơn – Hương Xuân, cụ thể:

- Cơ quan hành chính xã: Duy trì, nâng cấp Trụ sở làm việc của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đảng ủy, công an, xã đội, các đoàn thể hiện có.

- Giáo dục: Duy trì, nâng cấp các trường học hiện có, xây dựng mới Trường THPT Nam Đông tại thôn 10 với quy mô 2,0ha. Đầu tư cơ sở vật chất trường học đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhu cầu dạy học.

- Y tế: Duy trì và nâng cấp trạm y tế xã hiện có.

- Nhà văn hóa trung tâm xã và khu thiết chế thể dục thể thao: Duy trì nhà văn hóa xã và khu thể dục thể thao hiện có với diện tích xây dựng khoảng 5.947,1 m².

- Công viên cây xanh: Xây dựng mới công viên cây xanh trung tâm xã với diện tích 0,18ha.

- Thương mại dịch vụ: Duy trì chợ Nam Đông quy mô 0,19ha là chợ hạng III đạt chuẩn văn minh thương mại. Phát triển thương mại ở khu trung tâm xã, dọc trục đường tỉnh lộ 14B, 14D. Xây dựng điểm dừng nghỉ quy mô 3,3ha phục vụ giao thông quốc lộ 49E (đường 74 đến 14D) tại vị trí giáp cầu Hương Hòa, thôn 10.

1.2. Khu ở dân cư (điểm dân cư) nông thôn: Tổng diện tích quy hoạch là 120,77ha, trong đó:

- Duy trì các khu dân cư hiện trạng với diện tích 43,73ha.

- Quy hoạch mới các điểm dân cư nông thôn với diện tích 77,04ha, cụ thể:

+ Thôn 8: 05 vị trí diện tích 8,65ha, trong đó: vị trí 1: cạnh nhà truyền thống lịch sử huyện Nam Đông; vị trí 2: đoạn từ khe Thanh Niên đến nhà ông

Lại Công Định; vị trí 3: đoạn dọc đường 14B từ nhà màng ông Nguyễn Văn Tân đến nhà ông Lương Đạo; vị trí 4: đoạn từ ngã ba nhà ông Đặng Minh Lợi đến nhà ông Trần Minh Quốc); vị trí 5: đoạn dọc đường 14B từ ngã ba nhà máy Kimsora đến giáp nhà ông Cao Cường.

+ Thôn 9: 03 vị trí diện tích 9,92ha, trong đó: vị trí 1: đoạn dọc đường 14B từ nhà màng ông Nguyễn Sinh đến ngã ba sân bóng thôn 9; vị trí 2: dọc đường 14D đoạn từ ngã ba sân bóng thôn 9 đến ngã tư quán Hải Gái; vị trí 3: đoạn từ nhà nầm ông Nguyễn Văn Điền đến ngã ba hồ cá nông trường.

+ Thôn 10: Điểm dân cư thôn 10 diện tích 10,5ha (giai đoạn 1 là 7,31ha).

+ Thôn 11: 03 vị trí diện tích 15,58ha, trong đó: vị trí 1: đoạn dọc đường 14B từ đất bà Hoàng Thị Thu Hương đến nhà bà Trần Thị Diệu; vị trí 2: đoạn từ ngã ba nhà ông Võ Văn Tiến đến nhà ông Đặng Chiến; vị trí 3: đoạn từ nhà bà Trương Ánh Vương đến ngã ba nhà ông Võ Văn Tiến.

+ Thôn Phú Thuận – Thuận Lộc: 06 vị trí diện tích 20,92ha (dọc đường 14B đoạn từ ngã tư cầu mới Nam Đông đến ngã tư nhà ông Võ Đại Phương).

+ Thôn Phú Nhuận: 01 vị trí diện tích 0,44ha (Trường Tiểu học cũ).

- Phát triển đất ở nông thôn tập trung tại những diện tích đất quy hoạch khu dân cư xen ghép trong diện tích đất nông nghiệp trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở nông thôn, diện tích 6,42ha.

- Phát triển đất ở nông thôn tại những diện tích chuyển đổi mục đích sử dụng đất vườn, ao liền kề đất ở và đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở nông thôn với tổng diện tích 4,61ha.

1.3. Khu vực sản xuất:

1.3.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp:

- Vùng cây ăn quả, cây lâu năm kết hợp chăn nuôi tập trung, khu nông nghiệp công nghệ cao: Tổng diện tích 856,75ha, cụ thể:

+ Vùng trồng cây ăn quả tập trung: Diện tích **308ha** bao gồm: Vùng Cầu Hương Sơn diện tích 25ha, vùng thôn 9,10,11 diện tích 165ha, vùng thôn 9 đến thôn 11 diện tích 50ha, vùng thôn 11 từ đập tràn đến giáp xã Thượng Nhật diện tích 30ha, vùng La Vây diện tích 38ha;

+ Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Chuyển đổi cánh đồng thôn 11, quy mô **15ha**.

+ Vùng trồng quế: Diện tích **175ha** bao gồm: Vùng khe Thanh Niên thôn 8 đến giáp xã Thượng Nhật 30ha; thôn Phú Nhuận 40ha; thôn Phú Nhuận (Khe La Vây) 40ha; đồi C9 30ha và phân tán một số điểm khác 35ha.

+ Vùng trồng cao su: Duy trì diện tích cây cao su **214,22ha**, tập trung chủ yếu tại thôn 10, 11 và thôn Phú Nhuận.

+ Vùng trồng cây lâu năm khác 144,53ha bao gồm các loài cây ăn quả, cây ăn quả có múi khác, cây cau...

- Vùng sản xuất lúa nước: Tổng diện tích 105,68ha, trong đó: Thôn Tây Linh 24,6ha, thôn Thuận Lộc 25,5ha, thôn Phú Thuận 16,58ha, thôn Phú Nhuận 12,5ha, thôn 10 là 26,5ha và phân tán một số điểm khác 12,8ha.

- Vùng sản xuất cây hàng năm: Diện tích 33,59ha phân bố chủ yếu tại các thôn: 10, 11, Tây Linh, Thuận Lộc, Phú Nhuận.

- Vùng sản xuất lâm nghiệp

+ Trồng rừng sản xuất diện tích 188,7ha tập trung tại thôn 8 và thôn Phú Nhuận.

+ Quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên: Diện tích rừng tự nhiên là 136,14ha, trong đó 71,33ha thuộc quy hoạch rừng sản xuất, rừng tự nhiên giao cho xã, cộng đồng quản lý và các nhóm hộ quản lý diện tích 64,81ha. Tăng cường quản lý và bảo vệ rừng tự nhiên, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ diện tích rừng đầu nguồn gắn với làm giàu rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu dưới tán rừng.

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Duy trì diện tích nuôi cá nước ngọt 8,48ha.

1.3.2. Khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Duy trì Cụm CN Hương Hòa quy mô 10ha, Khai thác, chế biến đá Gabro quy mô khoảng 42,2ha.

1.3.3. Khu vực phát triển dịch vụ du lịch: Khu du lịch sinh thái Đập tràn Hai Nhất và Hồ Tà Rinh 3,14ha; Khu du lịch nghỉ dưỡng và sân golf La Vân 98,6ha, Khu du lịch sinh thái đồi ông Đại tại thôn Phú Nhuận với quy mô diện tích 3,0ha, Khu du lịch thôn 11 Hương Xuân với quy mô diện tích 20ha.

2. Kiểm soát kiến trúc các phân khu chức năng và các công trình trọng điểm

2.1. Các công trình cơ quan hành chính xã, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại dịch vụ.

Đối với các công trình nâng cấp sửa chữa: Trên cơ sở kiến trúc các công trình hiện trạng, việc nâng cấp, sửa chữa phải hòa hòa các công trình hiện trạng, sử dụng sơn quét mặt ngoài có màu sắc trang nhã, phù hợp với công trình hiện trạng và cảnh quang xung quanh.

Đối với các công trình xây dựng mới: Kiến trúc công trình phải được nghiên cứu kỹ về hình khối, đường nét, màu sắc. Hạn chế các giải pháp kiến trúc công trình có hình thức phức tạp, không phù hợp với điều kiện khí hậu cảnh quan chung của khu vực. Trang trí mặt ngoài, không sơn quét các màu đen, tối hoặc quá sặc sỡ, sử dụng quá nhiều màu trên một công trình, có nhiều chi tiết rườm rà, phản cảm.

Giải pháp thiết kế kiến trúc phải phù hợp với thiết chế quy định của từng loại công trình và tuân thủ các quy định của các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

2.2. Nhà ở.

- Đối với khu dân cư thuộc Khu trung tâm xã: Định hướng xây dựng nhà phố, kiến trúc hiện đại kết hợp truyền thống, tầng cao không quá 05 tầng.

- Đối với các khu dân cư tập trung quy hoạch mới: Định hướng xây dựng các công trình nhà ở theo dạng nhà phố, biệt thự, nhà vườn mang tính chất thẩm mỹ, có kiến trúc hiện đại hoặc kết hợp với các giá trị không gian truyền thống miền núi. Tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

- Đối với các khu vực làng xóm hiện hữu và các khu ở mới xen ghép: Khuyến khích xây dựng nhà vườn gắn kết với không gian truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn, đảm bảo hài hòa trong tổng thể phát triển chung của xã. Tầng cao xây dựng tối đa 03 tầng.

Điều 5. Chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường trục chính xã, liên thôn xóm, trục chính thôn xóm, chiều cao xây dựng không chế

1. Chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường trục chính xã, liên thôn xóm, trục chính thôn xóm

a) Đường liên vùng: Bao gồm tỉnh lộ 14B, tỉnh lộ 14D, quốc lộ 49E có tổng chiều dài 10,2km, lộ giới 26,0m, chỉ giới xây dựng lùi 4m so với chỉ giới đường đỏ.

b) Đường liên xã: Tổng chiều dài 9,053km, lộ giới 16,5m, chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

c) Đường liên thôn: Tổng chiều 24,7km, lộ giới 13,5m, chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

2. Chiều cao xây dựng không chế

- Đất ở nông thôn thuộc Khu trung tâm xã: Tầng cao ≤ 5 tầng

- Đất ở nông thôn thuộc các khu vực còn lại: Tầng cao ≤ 3 tầng

- Đất ở kết hợp dịch vụ: Tầng cao ≤ 5 tầng.

- Đất dịch vụ du lịch: Tầng cao ≤ 3 tầng.

- Đất công trình công cộng: Tầng cao ≤ 5 tầng.

- Đất khu công viên, cây xanh: Tầng cao ≤ 1 tầng.

- Đất cụm công nghiệp: Theo quy hoạch chi tiết.

Điều 6. Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường

1. Khu vực cấm xây dựng: Lòng sông Tả Trạch đoạn qua xã Hương Xuân;

các ao hồ phục vụ nông nghiệp đất nông nghiệp.

2. Phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Phạm vi đất dành cho đường bộ: Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng theo cấp đường, được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường bộ (chân mái đường đắp hoặc mép ngoài của rãnh dọc tại các vị trí không đào không đắp hoặc mép đỉnh mái đường đào) ra mỗi bên như sau:

- 03 mét đối với đường cao tốc, đường cấp I, đường cấp II.
- 02 mét đối với đường cấp III.
- 01 mét đối với đường từ cấp IV trở xuống.

b) Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không: Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn 3m đối với đường dây có điện áp đến 35kV.

c) Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện:

- Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện có điện áp đến 22kV là 2,0m; điện áp đến 35kV là 3,0m.

- Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, hành lang bảo vệ được giới hạn đến điểm ngoài cùng của móng, kè bảo vệ tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2,0m đối với trạm có điện áp đến 35kV.

- Đối với các trạm biến áp, trạm phân phối điện hợp bộ, có vỏ bằng kim loại thì hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của phần vỏ kim loại.

3. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải (rắn, lỏng) cho khu trung tâm xã và các công trình có nguồn gây ô nhiễm. Cần quan tâm kiểm soát ô nhiễm tại các khu vực có các tuyến giao thông lớn.

- Thiết lập các vành đai cây xanh cho khu dân cư, phủ xanh đất trống, đồi trọc và các vùng xung quanh để tăng khả năng chịu tải môi trường các hệ sinh thái, góp phần cải tạo những khu vực bị ô nhiễm.

- Có các giải pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai và sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến núi rừng, sông, biển, sự đa dạng sinh thái.

- Có kế hoạch quản lý và giám sát môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với: môi trường không khí và tiếng ồn, môi trường nước mặt,

môi trường nước dưới đất, môi trường nước thải, môi trường đất, chất thải rắn.

Điều 7. Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan:

Bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, đa dạng sinh học, bảo tồn loài. Hạn chế xây dựng, phát triển các ngành, lĩnh vực ảnh hưởng đến môi trường, hệ sinh thái nguyên sinh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Phân công thực hiện

Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND xã Hương Xuân có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc xây dựng các công trình tại khu quy hoạch này. Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý đất đai; thẩm định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo theo đồ án quy hoạch và các quy hoạch có liên quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Việc quản lý xây dựng được thực hiện trên cơ sở Quy định này và các quy định khác liên quan.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy định này có giá trị và được thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Kinh tế và Hạ tầng để tham mưu UBND huyện có hướng giải quyết.

Điều 10. Lưu trữ tài liệu

Quy định quản lý và đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hương Xuân đến năm 2030 được ấn hành lưu giữ tại các nơi dưới đây và phổ biến để các cơ quan, tổ chức và nhân dân được biết, thực hiện:

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện;
2. Phòng Tài nguyên và Môi trường;
3. UBND xã Hương Xuân.